TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 61/2020/HS-ST Ngày 23/10/2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mã Siêu.

Bà Tô Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định xét xử số 60/2020/QĐXXST-HS ngày 09/10/2020 đối với:

Bị cáo Trương Kim H1, sinh năm 1985. Nơi sinh: Xã TH, huyện TT, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn VHT, xã TH, huyện TT, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Kim V và bà Nguyễn Thị H2 (đều đã chết); có vợ là Bùi Thị Ph và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2020 đến nay, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

***- Người bào chữa cho bị cáo*:**

Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1987, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

Địa chỉ: Số 06 Phố HBT, Phường LHP, thành phố T, tỉnh T (có mặt).

***- Bị hại*:**

Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1962, trú tại thôn ThT, xã Nam H1; chị Vũ Thị D, sinh năm 1993, trú tại thôn HT, xã NH; chị Bùi Thị L, sinh năm 1986, trú tại thôn NC, xã ĐM; anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1997, trú tại thôn NLN, xã NH, đều thuộc huyện T1, tỉnh T (bà T2 có mặt; chị D, chị L, anh C vắng mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

Bà Đoàn Thị Ph1, sinh năm 1962, trú tại thôn NLT, xã ĐL, huyện T1, tỉnh T (vắng mặt).

Chị Bùi Thị Ph, sinh năm 1982, trú tại thôn VHT, xã TH, huyện TT, tỉnh T (có mặt).

***- Người làm chứng*:**

Ông Tô Ngọc Th, sinh năm 1962, trú tại thôn LTN, xã TN, huyện T1, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân vào thời điểm sáng sớm, trong thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2020, Trương Kim H1 đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại các Bệnh viện trên địa bàn huyện T1. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 4h00' ngày 14/3/2020, Trương Kim H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ware S màu đen biển kiểm soát xxx của gia đình H1 đi từ nhà sang Bệnh viện đa khoa Tây T1, thuộc địa phận thôn N, xã TG, huyện T1 mục đích trộm cắp tài sản. Sau khi gửi xe tại lán xe của bệnh viện, H1 đi bộ lên tầng 3 khoa Ngoại của Bệnh viện. Khi đi đến phòng bệnh số 305, H1 đi vào trong phòng thấy trên giường của bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1962, trú tại thôn ThT, xã Nam H1, huyện T1 có để 01 chiếc gối kẻ sọc màu đỏ, 01 chăn màu xanh và 01 áo bệnh nhân nhưng không có người trông coi, H1 vào kiểm tra chiếc gối thì phát hiện bên trong vỏ gối phía sau có 01 chiếc ví giả da màu đen đã cũ (giá trị không đáng kể), H1 mở ra thấy trong ví có nhiều tiền, H1 lấy chiếc ví giấu vào trong người rồi ra lấy xe đi về nhà. Khi đến khu vực cánh đồng thuộc địa phận xã ThT, huyện TT, H1 dừng lại bỏ số tiền trong ví ra đếm được 8.533.000 đồng. Ngoài ra trong ví còn có 02 chiếc nhẫn màu bạc loại mỹ ký (bà T2 khai mua năm 2015 khi đi chùa với giá 5000đồng/chiếc). Sáng ngày 15/3/2020, H1 tưởng là nhẫn bạc nên mang 02 chiếc nhẫn đến cửa hàng vàng bạc NC ở thị trấn T1 bán nhưng không bán được do đó là nhẫn mỹ ký nên trên đường về nhà H1 vất hai chiếc nhẫn xuống sông Trà Lý. Còn số tiền trộm cắp được H1 sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 4h30' ngày 02/7/2020, Trương Kim H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ware S biển kiểm soát xxx đi từ nhà sang Bệnh viện đa khoa Nam T1 thuộc địa phận thôn ĐL, xã NT, huyện T1. Sau khi gửi xe H1 vào khoa ngoại của bệnh viện, phát hiện phòng bệnh nhân số 5 ở tầng 2 của khoa ngoại mở cửa, phía trong bên pH1 (tính từ cửa vào) có hai giường bệnh kê sát nhau. Trên giường có anh Nguyễn Đức C sinh, năm 1997 và mẹ là Trần Thị Ng, sinh năm 1973 cùng trú tại thôn NLN, xã NH, huyện T1 đang nằm ngủ. Trên đầu giường vị trí giữa hai người nằm có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh của anh C. H1 đi vào lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần bên phải đang mặc rồi ra lấy xe đi về nhà. Khi đến đoạn đường cánh đồng xã NC, huyện T1, H1 dừng lại tắt nguồn điện thoại và cất vào cốp xe máy. Đến ngày 14/7/2020 trên đường chở con đi khám bệnh ở Bệnh viện Nhi T, khi đến đoạn đường thuộc địa phận xã ĐT, huyện ĐH, H1 gặp và bán chiếc điện thoại trộm cắp được nêu trên cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ với giá 1.300.000 đồng.

Ngày 23/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã trưng cầu định giá đối với chiếc điện thoại nêu trên. Kết quả định giá xác định chiếc điện thoại trị giá 2.125.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 4h30' ngày 12/7/2020, Trương Kim H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ware S màu đen BKS: xxx từ nhà sang Bệnh viện đa khoa Tây T1 mục đích để trộm cắp tài sản. Sau khi gửi xe, H1 đi bộ lên tầng 2 khoa Tai - mũi - họng của Bệnh viện, phát hiện thấy phòng bệnh số 205 mở cửa, trong phòng chỉ có một mình cháu Trần Duy B, sinh năm 2011, trú tại thôn NC, xã ĐM, huyện T1 đang ngủ tại giường bệnh sát cửa ra vào, trên đầu giường có 01 chiếc túi xách, bên trên chiếc túi xách có để một chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen tím của chị Bùi Thị L, sinh năm 1986, là mẹ của cháu B. H1 trộm cắp chiếc điện thoại giấu vào túi quần bên pH1 đang mặc rồi ra lán xe lấy xe đi về nhà

Ngày 15/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 trưng cầu định giá đối với chiếc điện thoại nêu trên. Kết quả định giá xác định chiếc điện thoại trị giá 2.320.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 22h00' ngày 14/7/2020 Trương Kim H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ware S màu đen BKS: xxx đi từ nhà sang Bệnh viện đa khoa Tây T1, H1 đi xe vào trong sân Bệnh viện, dựng xe trước cửa khoa nội rồi đi bộ lên tầng 2 của khoa ngoại. H1 đi về hành lang bên tay phải thấy một phòng bệnh không có người nên H1 vào phòng nằm ngủ. Đến khoảng 4h00' ngày 15/7/2020, H1 dậy đi bộ sang khoa Truyền nhiễm, phát hiện phòng bệnh số 07 cửa khép hờ, không cài then trong phòng bệnh có chị Vũ Thị D, sinh năm 1993 và con gái là cháu Nguyễn Bích Ng1, sinh năm 2019 đều trú tại thôn HT, xã NH, huyện T1 đang nằm ngủ trên giường, phía cuối giường chị D có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen. H1 vào phòng lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi vào nhà vệ sinh tầng 1 của khoa Nhi, H1 tắt nguồn điện thoại rồi giấu vào sọt nhựa đựng giấy vệ sinh. H1 tiếp tục đi lên tầng 2 của khoa Mắt thấy phòng bệnh số 204 cửa mở, phát hiện bà Đoàn Thị Ph1, sinh năm 1962, trú tại thôn NLT, xã ĐL, huyện T1 có để 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Xphone màu vàng kim trên giường trong cùng phía bên trái. H1 vào phòng lấy chiếc điện thoại của bà Ph1 đút vào túi quần thì bị bà Ph1 từ trong nhà vệ sinh đi ra phát hiện yêu cầu H1 trả lại chiếc điện thoại và trình báo cho bảo vệ Bệnh viện.

Ngày 15/7/2020, Công an huyện T1 đã trưng cầu định giá đối với chiếc 02 chiếc điện thoại H1 đã trộm cắp nêu trên. Kết quả xác định 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme màu đen trị giá 2.800.000 đồng, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Xphone trị giá 200.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Trương Kim H1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Lời khai của người làm chứng:

Ông Tô Ngọc Th trình bày: Ông là nhân viên bảo vệ của Bệnh viện đa khoa Tây T1, thuộc thôn N, xã TG, huyện T1. Khoảng 05 giờ ngày 15/7/2020, khi ông đang trong giờ làm việc thì có nghe chị H ở khoa sản nói: Chú ơi, có thằng nó cứ lượn lờ ở khoa sản, chú ra xem thế nào. Nghe vậy, ông đi kiểm tra, khi đi đến khu vực tầng 2 của

khoa Mắt thì thấy ồn ào, có đông bệnh nhân và người nhà bệnh nhân đứng nhìn và giữ một người đàn ông khoảng 35-40 tuổi, dáng người thấp, mặc quần tối màu, áo tối màu. Ông được nghe một người phụ nữ nói: Thằng này nó lấy điện thoại của em, em hô hoán mọi người bắt. Sau đó ông can ngăn không cho mọi người đánh người đàn ông trên và trình báo cho lực lượng công an.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKSTH ngày 30/9/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T quyết định truy tố Trương Kim H1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trương Kim H1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo từ 18 (mười tám) tháng đến 21 (hai mươi mốt) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Người bào chữa cho bị cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho bị cáo và gia đình bị cáo.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trương Kim H1 đều khai nhận: Lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại các Bệnh viện vào thời điểm sáng sớm. Trong thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2020, Trương Kim H1 đã vào các Phòng bệnh nhân của Bệnh viện đa khoa Tây T1 thuộc địa phận thôn Đ, xã TG, huyện T1 và Bệnh viện đa khoa Nam T1 thuộc địa phận thôn ĐL, xã NT, huyện T1 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong đó trộm cắp số tiền 8.533.000 đồng của bà Đỗ Thị T2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh trị giá 2.125.000 đồng của anh Nguyễn Đức C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen trị giá 2.320.000 đồng của chị Bùi Thị L; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme màu đen trị giá 2.800.000 đồng của chị Vũ Thị D. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 15.778.000 đồng.

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo H1 phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo, lời khai của những người bị hại là bà Đỗ Thị T2, chị Vũ Thị D, chị Bùi Thị L, anh Nguyễn Đức C; Lời khai của người làm chứng là ông Tô Ngọc Th; Sơ đồ, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Công an huyện T1 lập ngày 15, 16, 17/7/2020; Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu do Công an huyện T1 lập trong các ngày 15/7/2020 và 22/7/2020; Bản Kết luận định giá tài sản các ngày 16/7/2020 và 24/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T1 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Như vậy, trong thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2020, Trương Kim H1 đã có 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong đó trộm cắp số tiền 8.533.000 đồng của bà Đỗ Thị T2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh trị giá 2.125.000 đồng của anh Nguyễn Đức C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen trị giá 2.320.000 đồng của chị Bùi Thị L; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme màu đen trị giá 2.800.000 đồng của chị Vũ Thị D. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 15.778.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T quyết định truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173: Tội trộm cắp tài sản quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội từ 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với tội trộm cắp tài sản, xét thấy bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã vận động gia đình bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Trong vụ án này:

Đối với hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu vàng kim của bà Đoàn Thị Ph1 vào sáng ngày 15/7/2020, do tài sản trộm cắp trị giá 200.000 đồng, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên ngày 28/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện T1 đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trương Kim H1 là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, người bị hại là chị Vũ Thị D, chị Bùi Thị L đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu đề nghị gì; bị cáo đã tác động đến gia đình để thỏa thuận bồi thường xong trách nhiệm dân sự cho những người bị hại là bà Đỗ Thị T2 và anh Nguyễn Đức C. Đến nay những người bị hại không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị Phượng đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã quản lý 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wares màu đen, biển kiểm soát xxx, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen tím, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu vàng kim đã qua sử dụng và số tiền 1.500.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen tím cho chị Bùi Thị L, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen cho chị Vũ Thị D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu vàng kim cho bà Đoàn Thị Ph1.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng và số tiền 1.500.000 đồng xác định là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc trộm cắp cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wares màu đen, biển kiểm soát xxx, bị cáo khai nhận mua của ông Bùi Văn H3, sinh năm 1960, trú tại xã TH, TT, T (chiếc xe đã được mua đi bán lại nhiều lần, nguồn gốc là của anh Quách Đình M, sinh năm 1980, trú tại thôn NX, xã ThP, TT, T), bị cáo mua bằng tiền của vợ là chị Bùi Thị Ph, chị Ph mua xe để gia đình đi lại, việc bị cáo đi trộm cắp bằng chiếc xe máy trên chị Ph không biết, chị Ph có đề nghị xin lại chiếc xe làm phương tiện đi lại của gia đình nên cần trả lại cho chị Ph chiếc xe máy trên.

Đối với 02 chiếc nhẫn mỹ ký màu bạc H1 trộm cắp của bà Đỗ Thị T2, quá trình điều tra H1 khai nhận do không bán được nên đã vứt xuống sông TL, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu được. Bà T2 không có yêu cầu nhận lại.

[7] Bị cáo H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điểm a, b khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Kim H1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Kim H1 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/7/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra Công an huyện T1, tỉnh T.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng và số tiền 1.500.000 đồng. Trả lại cho chị Bùi Thị Ph, sinh năm 1982, trú tại thôn VHT, xã TH, huyện TT, tỉnh T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wares màu đen, biển kiểm soát xxx.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/9/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1 và Ủy nhiệm chi lập ngày 30/9/2020 tại Kho bạc Nhà nước huyện T1, tỉnh T).

5. Về án phí: Bị cáo pH1 chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bà Đỗ Thị Tin và chi Bùi Thị Phượng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 23/10/2020; chị Vũ Thị D, chị Bùi Thị L, anh Nguyễn Đức C và bà Đoàn Thị Ph1 vắng mặt có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- VKSND huyện T1;
- CA, Nhà tạm giữ CA huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền